

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quốc Cẩn

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị P, sinh năm: 1982 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Danh Ph, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Lưu Thị P là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Ph tự nguyện kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và cất nhà ở riêng trên phần đất của cha, mẹ chồng tại ấp C, xã T, huyện G. Năm 2014, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống và anh Ph nghi ngờ chị không chung thủy. Cuối năm 2014, chị về nhà cha, mẹ ruột ở chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Ph cho đến nay, trong thời gian này anh Ph có liên hệ với chị để tiếp tục chung sống nhưng chị không đồng ý.

Quá trình chung sống chị và anh Ph có ba người con chung là cháu Danh Thị Mỹ L, sinh ngày 21/7/2001, cháu Thị Mỹ D, sinh ngày 30/9/2008 và cháu Danh Thành K, sinh ngày 12/3/2012. Cháu L đã sống tự lập, cháu D và cháu K do chị chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ cuối năm 2014 cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị P xác định không còn tình cảm với anh Ph nên yêu cầu được ly hôn; về con chung: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu được quyền nuôi cháu D và cháu K và yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, đối với cháu L trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị xác định giữa chị và anh Ph không có tranh chấp về việc nuôi con nên rút yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn với anh Ph, đề nghị Tòa án ghi nhận việc chị nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và cháu K; về tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Danh Ph là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị P, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh Ph chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị P và anh Ph kết hôn 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị P trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay, không còn quý trọng, quan tâm nhau, tại phiên tòa chị P xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Ph; anh Ph không có ý kiến phản đối. Xét thấy, hôn nhân của chị P và anh Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh Ph.

Về con chung: Tại phiên tòa, chị P tự nguyện rút yêu cầu về việc tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Ph. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử, nếu sau này có tranh chấp anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lưu Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Danh Ph, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Ph là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ph. Tuy nhiên, anh Ph không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị P giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, anh Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng

hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Ph kết hôn năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã O (nay là xã T), huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 04/12/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Chị P xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuối năm 2014, chị và anh Ph tự chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân với nhau cho đến nay, anh chị không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, chị P và anh Ph đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tòa án xác minh về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị P và anh Ph tại nơi cư trú, Phó ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho biết: Ban lãnh đạo ấp không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị P và anh Ph.

Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị P và anh Ph nhưng không đạt kết quả do anh Ph vắng mặt, chị P xác định không còn tình cảm và cương quyết yêu cầu ly hôn, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của chị P và anh Ph đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị P yêu cầu ly hôn với anh Ph là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị P và anh Ph có ba người con chung là cháu Danh Thị Mỹ L, sinh ngày 21/7/2001, cháu Thị Mỹ D, sinh ngày 30/9/2008 và cháu Danh Thành K, sinh ngày 12/3/2012. Theo đơn khởi kiện chị P yêu cầu nuôi cháu D và cháu K, yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị P xác định chị có đủ điều kiện nuôi các con, giữa chị và anh Ph không có tranh chấp về việc nuôi con chung nên chị rút lại yêu cầu giải quyết về con. Xét thấy, việc rút yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn của chị P là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu nuôi con khi ly hôn giữa chị P và anh Ph. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu D và cháu K, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị P nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu

D và cháu K. Trường hợp, chị P và anh Ph có tranh chấp về việc nuôi con chung thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị P đối với anh Danh Ph.

2. Về con chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn giữa chị Lưu Thị P đối với anh Danh Ph. Ghi nhận ý kiến của chị P nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thị Mỹ D, sinh ngày 30/9/2008 và cháu Danh Thành K, sinh ngày 12/3/2012. Trường hợp, anh Ph và chị P có tranh chấp về việc nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003256 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 13/5/2021; anh Danh Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện G;
- THA huyện G;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát